

MỘT SỐ CÂU HỎI ÔN TẬP GIỮA KÌ MÔN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

Câu 1: Vai trò của Triết học Mác – Lenin trong chương trình đào tạo đại học ở Việt Nam?

Triết học Mác-Lenin được đưa vào giảng dạy và trở thành môn bắt buộc cho hầu hết các trường Đại học ở Việt Nam vì một số lý do sau:

- Tính lịch sử và tầm quan trọng: Việt Nam là một quốc gia có lịch sử chiến đấu độc lập, tự do và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, và triết học Mác-Lenin đã đóng góp to lớn vào quá trình này. Việc giảng dạy triết học Mác-Lenin là một cách để thể hiện và phát huy giá trị lịch sử và tầm quan trọng của triết học này đối với xã hội Việt Nam.
- Tư duy phản biện và lý thuyết khoa học: Việc học và nghiên cứu triết học Mác-Lenin giúp sinh viên phát triển khả năng phân tích, suy luận logic và nhìn nhận mâu thuẫn trong xã hội. Điều này có ích cho sinh viên trong việc nghiên cứu các vấn đề xã hội, kinh tế, chính trị và văn hóa, cũng như trong việc đưa ra quan điểm và luận điểm chính xác trong quá trình học tập và tham gia cuộc sống xã hội.
- Xây dựng tư tưởng và ý thức cách mạng: Việc giảng dạy triết học Mác-Lenin giúp sinh viên hiểu và nhận thức về các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng cách mạng và ý thức giai cấp. Điều này giúp sinh viên hiểu và định hình quan điểm và lối sống cách mạng, và trở thành công dân có ý thức và trách nhiệm trong việc xây dựng xã hội.

Câu 2: Vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam?

Triết học Mác - Lênin đã có vai trò rất quan trọng trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam. Minh chứng là:

- Trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Triết học này giúp các nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam hiểu rõ hơn về bản chất của xã hội và giúp họ phát triển những chiến lược và chính sách phù hợp với tình hình thực tế của đất nước.
- Triết học Mác - Lênin còn có vai trò quan trọng trong quá trình đổi mới ở Việt Nam. Việt Nam đã triển khai nhiều chính sách đổi mới về kinh tế và xã hội, với mục tiêu đẩy mạnh sự phát triển kinh tế và giảm bớt đói nghèo. Các chính sách này đã được xây dựng dựa trên các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, bao gồm quyền sở hữu chung, sự phân bổ công bằng và phát triển xã hội hóa.
- Triết học Mác - Lênin cũng đã giúp cho Việt Nam hiểu rõ hơn về các vấn đề xã hội quan trọng như bình đẳng giới, giáo dục và y tế. Triết học này đã giúp đưa ra các giải pháp phù hợp với thực tế của Việt Nam và đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

Câu 3: Ứng dụng của Triết học Mác - Lênin trong việc học tập của sinh viên Việt Nam?

Sinh viên Việt Nam có thể áp dụng Triết học Mác-Lênin vào việc học tập theo những cách sau:

- Nghiên cứu Triết học Mác-Lênin: Sinh viên có thể nghiên cứu các tác phẩm và ý tưởng chính của Mác-Lênin như "Manifesto của Đảng Cộng sản" và "Tư tưởng Hồ Chí Minh", để hiểu về cách Mác-Lênin hiểu về thế giới, lịch sử, và xã hội. Việc nghiên cứu này giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và hiểu sâu hơn về các vấn đề xã hội, chính trị và kinh tế.
- Áp dụng phân tích chất xúc tác xã hội: Triết học Mác-Lênin nhấn mạnh vai trò của tầng lớp công nhân trong việc thay đổi xã hội. Sinh viên có thể áp dụng phương pháp phân tích chất xúc tác xã hội của Mác-Lênin để tìm hiểu và phân tích các mối quan hệ xã hội, tầng lớp và mâu thuẫn trong xã hội hiện tại.
- Xây dựng tư tưởng chính trị và đạo đức: Triết học Mác-Lênin không chỉ liên quan đến lĩnh vực chính trị, mà còn đề cập đến lĩnh vực đạo đức và tư tưởng. Sinh viên có thể áp dụng các nguyên tắc đạo đức và tư tưởng chính trị của Mác-Lênin trong việc học tập, như tôn trọng lẽ sống, ý thức đoàn kết xã hội, và tư duy lý luận.
- Tham gia hoạt động xã hội và chính trị: Sinh viên có thể tham gia vào các hoạt động xã hội và chính trị nhằm thực hiện các nguyên lý và tư tưởng của Mác-Lênin. Điều này bao gồm việc tham gia vào các tổ chức sinh viên, hoạt động chính trị và xã hội, đấu tranh cho các quyền và lợi ích của công nhân và tầng lớp lao động.

- Áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học: Mác-Lênin khuyến khích việc áp dụng phương pháp khoa học để nghiên cứu và hiểu về thế giới. Sinh viên có thể áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập, từ việc tìm hiểu thông tin, tiếp cận vấn đề, thu thập dữ liệu và phân tích kết quả.

Câu 4: Vai trò của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội?

Sản xuất vật chất đóng vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của xã hội bởi vì nó cung cấp các tài nguyên và hàng hóa cần thiết cho cuộc sống và hoạt động của con người.

Ví dụ:

- Cung cấp nguồn lực: Sản xuất vật chất cung cấp các nguồn lực như năng lượng, nước, đất đai và các tài nguyên tự nhiên khác. Những nguồn lực này là cơ sở để xây dựng và duy trì cơ sở hạ tầng, như hệ thống giao thông, hệ thống điện, nước và các công trình công cộng khác.
 - Sản xuất hàng hóa: Sản xuất vật chất tạo ra hàng hóa và dịch vụ mà con người cần để thỏa mãn nhu cầu hàng ngày. Ví dụ, ngành công nghiệp chế biến thực phẩm sản xuất các loại thực phẩm và đồ uống cung cấp chất dinh dưỡng cho xã hội. Các ngành công nghiệp khác như may mặc, công nghiệp ô tô, công nghiệp điện tử, v.v. cũng đóng góp vào sự phát triển kinh tế và xã hội.
 - Đáp ứng nhu cầu xã hội: Sản xuất vật chất đáp ứng nhu cầu cơ bản của xã hội như thực phẩm, nước uống, áo quần, nhà cửa, y tế và giáo dục. Nó giúp đảm bảo rằng xã hội có đủ tài nguyên và hàng hóa để đáp ứng nhu cầu của con người và phục vụ cho sự phát triển và phát triển của xã hội.
 - Khuyến khích sáng tạo và tiến bộ: Sản xuất vật chất cung cấp nền tảng cho sự phát triển khoa học, công nghệ và sáng tạo. Các công nghệ mới và phát minh trong sản xuất vật chất có thể dẫn đến cải tiến và tiến bộ xã hội. Ví dụ, các phát minh trong công nghệ thông tin đã thay đổi cách mọi người giao tiếp và truy cập thông tin, góp phần vào sự phát triển toàn diện của xã hội.
- ➔ Như vậy, sản xuất vật chất đóng vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của xã hội bằng cách cung cấp nguồn lực, tạo ra hàng hóa và dịch vụ, tạo việc làm, đáp ứng nhu cầu xã hội và khuyến khích sáng tạo và tiến bộ.

Câu 5: Một số ví dụ nêu rõ vai trò quan trọng của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội?

Triết học Mác-Lênin đã đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội ở nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là trong quá trình xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội. Dưới đây là một số ví dụ về vai trò quan trọng của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội:

- Xây dựng chế độ xã hội công bằng: Triết học Mác-Lênin là cơ sở lý luận cho việc xây dựng chế độ xã hội công bằng, trong đó tất cả các thành viên của xã hội có quyền và cơ hội truy cập vào các nguồn tài nguyên và tiến bộ xã hội. Nó đã cung cấp cơ sở lý luận cho việc phát triển các hình thức chính trị, kinh tế và xã hội để đảm bảo quyền lợi của giai cấp lao động và xây dựng một xã hội vô tư.
- Khai phá sức mạnh của giai cấp lao động: Triết học Mác-Lênin coi giai cấp lao động là lực lượng cách mạng chủ chốt và khẳng định vai trò quyết định của họ trong quá trình thay đổi xã hội. Nó thúc đẩy sự tổ chức và đoàn kết của công nhân, người nông dân và những người lao động khác để đạt được lợi ích chung và chiến thắng trong cuộc cách mạng.
- Xây dựng chủ nghĩa xã hội: Triết học Mác-Lênin là cơ sở lý luận cho xây dựng chủ nghĩa xã hội, một tầng lớp xã hội mới mà không có sự chia rẽ giai cấp và các mâu thuẫn xã hội. Nó đã hướng dẫn quá trình loại bỏ tư bản và thiết lập một xã hội không còn giai cấp, trong đó sản phẩm của lao động được phân phối công bằng và mọi người có quyền tham gia vào quyết định chung.
- Chiến đấu với đế quốc chủ nghĩa và đấu tranh cho độc lập dân tộc: Triết học Mác-Lênin cung cấp cơ sở lý luận cho cuộc chiến đấu chống lại đế quốc chủ nghĩa và xâm lược, đồng thời khẳng định sự quyết tâm và độc lập dân tộc. Nó đã cung cấp khung lý thuyết cho việc thực hiện cách mạng dân tộc và xây dựng một xã hội không còn áp bức và bất công.
- Định hướng phát triển kinh tế: Triết học Mác-Lênin đã đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng phát triển kinh tế. Nó đã cung cấp lý thuyết về chủ nghĩa Mác-Lênin, trong đó nhà nước kiểm soát các phương tiện sản xuất và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là cần thiết để xây dựng một kinh tế hướng về lợi ích công chung và phát triển xã hội.

Câu 6: Mỗi quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn?

- Vai trò của lý luận đối với thực tiễn:
 - Giả sử một sinh viên học ngành kinh tế và đang nghiên cứu về tác động của chính sách tài khóa đối với tăng trưởng kinh tế. Sinh viên này sử dụng lý luận kinh tế để xây dựng một mô hình lý thuyết về quan hệ giữa chính sách tài khóa và tăng trưởng kinh tế.
 - Sau khi hoàn thành nghiên cứu lý thuyết, sinh viên cần áp dụng lý luận vào thực tiễn. Sinh viên sẽ thu thập dữ liệu về chính sách tài khóa và chỉ số tăng trưởng kinh tế của một quốc gia cụ thể và áp dụng mô hình lý thuyết để phân tích tác động của chính sách tài khóa lên tăng trưởng kinh tế thực tế.
 - Qua quá trình này, sinh viên sẽ nhận được kết quả phân tích và đánh giá hiệu quả của chính sách tài khóa trong thực tế. Kết quả này sẽ cung cấp thông tin phản hồi cho lý luận ban đầu và có thể dẫn đến việc điều chỉnh và cải tiến mô hình lý thuyết ban đầu.
- Mỗi quan hệ biện chứng giữa chúng:
 - Trong ví dụ trên, lý luận và thực tiễn tương tác với nhau một cách biện chứng. Lý luận cung cấp khung lý thuyết và công cụ phân tích để hiểu và dự đoán quan hệ giữa chính sách tài khóa và tăng trưởng kinh tế. Thực tiễn là bước kiểm chứng và thử nghiệm lý luận bằng cách áp dụng mô hình lý thuyết vào dữ liệu và tình huống thực tế.
 - Kết quả từ thực tiễn cung cấp thông tin phản hồi cho lý luận, đồng thời cũng ảnh hưởng đến việc điều chỉnh và cải tiến lý luận. Các kết quả phân tích trong thực tế có thể yêu cầu sửa đổi mô hình lý thuyết, điều chỉnh các giả định hoặc phương pháp phân tích. Qua quá trình này, lý luận và thực tiễn liên tục tương tác và phát triển thông qua mỗi quan hệ biện chứng.

Câu 7: Dựa vào ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật, hãy nêu ví dụ về phép biện chứng duy vật.

- Theo quy luật “phủ định của phủ định”: Một con gà mái được coi là cái khẳng định, nhưng khi con gà mái đó đẻ trứng thì quả trứng đó sẽ được coi là cái phủ định của con gà. Sau đó quả trứng gà trải qua thời gian vận động và phát triển thì quả trứng lại nở ra con gà con. Vậy con gà con lúc này sẽ được coi là cái phủ định của phủ định, mà phủ định của phủ định sẽ trở thành cái khẳng định. Sự vận động và phát triển này luôn diễn ra liên tục vận động và phát triển và có tính chu kỳ.
- Theo quy luật chuyển hóa những thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất và ngược lại: Một sinh viên X tốt nghiệp trường A, sau khi ra trường luật X xin vào làm thực tập sinh cho một công ty sản xuất Y. Sau khi trải qua ba tháng thực tập, X được công ty xét duyệt lên vị trí chuyên viên pháp chế, sau khi làm chuyên viên được 05 năm, X được bổ nhiệm lên chức giám đốc pháp chế của công ty. Như vậy ví dụ trên có thể thấy X từ một sinh viên mới ra trường chấp chứng những vào nghề, qua quá trình làm việc chăm chỉ, học hỏi kinh nghiệm và trau dồi kiến thức, kỹ năng X đã dần tích lũy đủ cho mình một lượng kiến thức, kỹ năng, trong công việc. Đó là quy trình chuyển hóa từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất. X có bước nhảy từ vị trí thấp nhất rồi đến những những vị trí cao hơn trong công ty.
- Theo quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập: quá trình Đồng hóa và Dị hóa trong cơ thể con người, sự đối lập ở đây là: Dị hóa là quá trình là tập hợp các phản ứng sinh hóa nhằm mục đích phá vỡ các phân tử phức tạp thành các phân tử đơn giản hơn để giải phóng năng lượng cho hoạt động sống. Đồng hóa là quá trình tập hợp các phản ứng sinh hóa nhằm mục đích xây dựng các phân tử lớn, phức tạp từ các thành phần nhỏ, đơn giản để tích lũy năng lượng.

Câu 8: Nội dung và ví dụ về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn

- Mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn là sự tương tác và tương quan giữa các khái niệm và nguyên lý được phân tích và đúc kết trong lý thuyết với các tình huống và vấn đề thực tế trong cuộc sống, công việc hoặc lĩnh vực khác. Lý luận và thực tiễn có thể tác động lẫn nhau và hỗ trợ nhau trong quá trình tạo ra kiến thức và hiểu biết mới.
- Lý luận cung cấp khung tư duy và các khái niệm để phân tích, diễn giải và giải quyết vấn đề. Nó thường được phát triển dựa trên nghiên cứu, quan sát và lý thuyết từ các nguồn tài liệu, trải nghiệm và kiến thức sẵn có. Lý luận có thể đưa ra giả định, mô hình hoặc nguyên tắc chung về cách thức hoạt động của một hệ thống hoặc quá trình.

- Tuy nhiên, lý luận cần phải được kiểm tra và áp dụng trong thực tế để xem liệu nó có thể giải quyết các vấn đề cụ thể hay không. Thực tiễn, mặt khác, cung cấp thông tin về các trường hợp thực tế, tình huống và kết quả thực tế. Nó giúp kiểm tra tính khả thi, hiệu quả và ứng dụng của lý luận trong thực tế.

➔ Ví dụ về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn:

- Quan hệ giữa lý luận kinh tế và thực tiễn: Lý luận kinh tế cung cấp các mô hình và lý thuyết về cách thức hoạt động của thị trường, tác động của chính sách kinh tế và các quyết định kinh doanh. Thực tiễn kinh tế cung cấp các dữ liệu, tình huống và kết quả thực tế trong nền kinh tế thực tế. Sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn giúp các nhà kinh tế hiểu rõ hơn về các vấn đề kinh tế cụ thể và đưa ra các giải pháp thích hợp. Ví dụ: Lý luận kinh tế cho rằng tăng thuế nhập khẩu sẽ làm giảm nhập khẩu và bảo vệ sản xuất nội địa. Để kiểm tra tính khả thi của lý luận này, một chính phủ có thể áp dụng chính sách thuế nhập khẩu và theo dõi tác động của nó trên hoạt động kinh doanh, xuất khẩu và giá cả thực tế.
- Quan hệ giữa lý luận giáo dục và thực tiễn: Lý luận giáo dục cung cấp các nguyên tắc và phương pháp giảng dạy, cơ sở lý thuyết về quá trình học và phát triển. Thực tiễn giáo dục cung cấp thông tin về học sinh, giáo viên, môi trường học tập và các vấn đề giáo dục thực tế. Sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn giúp cải thiện phương pháp giảng dạy và tạo ra môi trường học tập tốt hơn. Ví dụ: Một giáo viên sử dụng lý luận về phương pháp giảng dạy tương tác để tăng cường sự tham gia và học tập của học sinh. Bằng cách thực hiện các hoạt động tương tác và theo dõi phản hồi từ học sinh, giáo viên có thể đánh giá tính hiệu quả của phương pháp này và điều chỉnh nó dựa trên kết quả thực tế trong lớp học.

Câu 9: Những sai lầm khi không nhận thức đúng vai trò của lý luận

- Một là, đánh giá thấp vai trò của lý luận dẫn đến bệnh kinh nghiệm. Bệnh kinh nghiệm là khuynh hướng tư tưởng tuyệt đối hóa kinh nghiệm, coi thường lý luận khoa học. Biểu hiện: Thỏa mãn với vốn kinh nghiệm của bản thân, ngại học lý luận, không chịu khó nâng cao trình độ lý luận; Tiếp xúc với lý luận ở trình độ tư duy kinh nghiệm từ đó đơn giản hóa, thông tục hóa, kinh nghiệm hóa lý luận, cố gắng “đeo gót” lý luận cho vừa với khuôn khổ, kích thích kinh nghiệm của mình; coi thường lý luận, không tin vào lý luận và không chịu khó vận dụng lý luận vào thực tiễn.
- Hai là, cường điệu hóa lý luận dẫn đến bệnh giáo điều. Bệnh giáo điều là khuynh hướng tư tưởng cường điệu hóa vai trò của lý luận, coi nhẹ thực tiễn, tách rời lý luận khỏi thực tiễn, thiếu quan điểm lịch sử - cụ thể. Biểu hiện: Nắm lý luận chỉ dùng ở câu chữ theo kiểu “tầm chương trích cú”, không nắm được thực chất khoa học của lý luận, không tiêu hóa được kiến thức sách vở; Coi những nguyên lý, lý luận như những tín điều, không thấy được sức sống của lý luận là ở chỗ phải luôn sửa đổi, bổ sung, phát triển trên cơ sở thực tiễn mới; Vận dụng lý luận và những kinh nghiệm đã có một cách rập khuôn, máy móc, không tính đến điều kiện lịch sử - cụ thể, đến trình độ của thực tiễn.
- Ba là, sai lệch trong nhận thức về chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa Mác – Lênin là học thuyết khoa học, là cơ sở cho nhận thức đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi áp bức, bóc lột, bất công. Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện thực tế của nước ta. Đảng đã vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa đất nước phát triển và đạt được thành tựu to lớn.
- Bốn là, sai lệch trong nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chủ trương, đường lối của Đảng là hình thức lãnh đạo cao nhất và tập trung nhất của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.
- Năm là, nghiên cứu, học tập lý luận không gắn với thực tiễn. Việc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác – Lênin. Trong nghiên cứu, học tập lý mà tách rời thực tiễn là một sai lệch lớn, làm giảm ý nghĩa và tầm quan trọng của lý luận. Lý luận khoa học phải được hình thành trên cơ sở thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, bằng con đường tổng kết thực tiễn.
- Sáu là, không nhận thức được trách nhiệm của hoạt động lý luận trong đấu tranh tư tưởng. Đấu tranh tư tưởng là nhiệm vụ quan trọng của hoạt động lý luận hiện nay. Trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước đạt được thành tựu to lớn thì việc đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, chống “diễn biến hòa bình” và những thoái hóa, biến chất trong nội bộ có vai trò rất quan trọng.

Câu 10: Áp dụng lý luận Marx về giá trị lao động vào thực tiễn sản xuất hiện đại.

1. *Lý luận về giá trị lao động của Marx có mối quan hệ tương quan với thực tiễn sản xuất hiện đại.*

- Nội dung: Lý luận về giá trị lao động của Marx cho rằng giá trị của một hàng hóa phản ánh lượng lao động xã hội trừu tượng mà xã hội đã bỏ ra để sản xuất nó. Điều này ám chỉ rằng giá trị của một sản phẩm không chỉ phụ thuộc vào yếu tố nguyên vật liệu và máy móc, mà còn phụ thuộc vào lượng lao động xã hội được tiêu hao vào quá trình sản xuất.
- Ví dụ: Trong ngành sản xuất điện tử, một chiếc điện thoại di động có giá trị cao không chỉ do các linh kiện và công nghệ sử dụng mà còn do lượng lao động trừu tượng của các công nhân tham gia vào việc lắp ráp, kiểm tra và đóng gói. Người lao động đã bỏ ra nhiều giờ công sức, kiến thức và kỹ năng để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh. Do đó, lý luận về giá trị lao động của Marx giúp chúng ta hiểu rõ rằng giá trị của một sản phẩm không chỉ dựa trên các yếu tố vật chất mà còn phụ thuộc vào đóng góp lao động của con người.

2. *Lý luận về giá trị lao động cung cấp một cơ sở lý thuyết cho việc hiểu và phân tích các mâu thuẫn trong sản xuất hiện đại.*

- Nội dung: Lý luận về giá trị lao động của Marx cho phép chúng ta nhìn nhận và phân tích các mâu thuẫn và xung đột trong quá trình sản xuất hiện đại, đặc biệt là trong việc phân chia lợi ích và sự công bằng xã hội.
- Ví dụ: Trong ngành công nghiệp dầu mỏ, các công ty dầu mỏ lớn sử dụng công nghệ tiên tiến để tăng năng suất khai thác và sản xuất dầu. Tuy nhiên, việc sử dụng công nghệ này có thể dẫn đến mất việc làm cho một số công nhân, vì công việc của họ đã bị tự động hóa. Điều này tạo ra mâu thuẫn giữa sự tiến bộ công nghệ và việc bảo vệ quyền lợi của người lao động.

➔ Lý luận về giá trị lao động của Marx giúp chúng ta nhận thức rõ rằng các mâu thuẫn như vậy xuất phát từ việc sử dụng lao động xã hội để tạo ra giá trị và lợi nhuận, trong khi công nhân cá nhân đang phải đối mặt với sự thay đổi công nghệ và mất việc làm. Bằng cách áp dụng lý luận này, chúng ta có thể nghiên cứu và đề xuất các biện pháp cải thiện, như đào tạo lại công nhân để phù hợp với công nghệ mới, cân nhắc chính sách bảo vệ người lao động và tạo điều kiện công bằng hơn trong quá trình sản xuất.